NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II – KHỐI 5

Chương trình học tiếng Anh thông qua môn Toán và Khoa học
sử dụng bài giảng số của iSMART
Năm học 2020-2021

1. Môn tiếng Anh Toán:

Bài học	Nội dung ôn tập	
	Nội dung kiến thức	**Từ vựng, cấu trúc**
Unit 6 – Perimeter and area *Chương 6 – Chu vi và diện tích* Lesson 2: Circle *Bài 2: Hình tròn*	• *Hiểu được khái niệm chu vi hình tròn* • *Biết được* $\pi = 3.14$ • *Biết được công thức tính chu vi và diện tích của hình tròn* • *Chu vi* = 2 x π x r • *Diện tích* = π x r x r	• *What is the circumference/ area of the circle …?* *The circumference/ area of the circle … is …* circumference, pi, radius *chu vi, số pi, bán kính*
Unit 7 – 3D shapes *Chương 7 – Các hình 3D* Lesson 1: Cuboid and cube *Bài 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương*	• *Nhận biết và phân biệt được hình hộp chữ nhật và hình lập phương* • *Nhận biết được hình hộp chữ nhật và hình lập phương là các dạng hình 3D có 3 kích thước: chiều dài, chiều rộng và chiều cao.* • *Biết được hình hộp chữ nhật và hình lập phương có 8 đỉnh, 12 cạnh và 6 mặt* • *Biết được mỗi mặt của hình hộp chữ nhật là 1 hình chữ nhật và mỗi mặt của hình lập phương là 1 hình vuông* • *Xác định được các đỉnh, cạnh, mặt, chiều dài, chiều rộng và chiều cao của hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương*	• *How many faces/ vertices/ edges are there in a cuboid/ cube?* • *Which side is the length/ width/ height of this cuboid?* 3D, cuboid, cube, face, vertex (vertices), edge (side) *3D, hình hộp chữ nhật, hình lập phương, mặt, đỉnh (nhiều đỉnh), cạnh (cạnh)*
Unit 7 – 3D shapes *Chương 7 – Các hình 3D* Lesson 2: Surface area of a cuboid and a cube *Bài 2: Diện tích bề mặt của hình hộp chữ nhật và hình lập phương*	• *Hiểu và phân biệt được diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của 1 hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương* • *Biết cách tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương*	• *What is the lateral/ surface area of this cuboid/ cube?* lateral surface area, total surface area, lateral faces, base *diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, mặt bên, mặt đáy*

Unit 7 – 3D shapes *Chương 7 – Các hình 3D* Lesson 2: Surface area of a cuboid and a cube (cont.) *Bài 2: Diện tích bề mặt của hình hộp chữ nhật và hình lập phương (tt.)*	• *Biết cách tính diện tích toàn phần của 1 hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương* • *Giải toán đố liên quan đến diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật và hình lập phương*	
Unit 7 – 3D shapes (cont.) *Chương 7 – Các dạng hình 3D (tiếp theo)* Lesson 3: Volume of a cuboid and a cube *Bài 3: Thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương*	• *Biết được khái niệm về thể tích* • *Biết được công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương* • *Thể tích = chiều cao × chiều dài × chiều rộng* • *Biết được nếu các cạnh được đo theo đơn vị là cm, dm và m thì các đơn vị thể tích sẽ lần lượt là cm^3, dm^3 và m^3* • *Giải toán đố về thể tích của hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương*	• *What is the volume of this cube/ cuboid?* *The volume of the cuboid/ cube is …* volume, cubic centimetre, cubic decimetre, cubic metre *thể tích, xăng-ti-mét khối, đề-xi-mét khối, mét khối*

2. Môn tiếng Anh Khoa học:

Bài học	Nội dung ôn tập	
	Nội dung kiến thức	**Từ vựng, cấu trúc**
Unit 7 – Energy sources *Chương 7 – Các nguồn năng lượng* Lesson 1: Non - renewable sources of energy *Bài 1: Các nguồn năng lượng không tái tạo*	• *Hiểu được khái niệm về các nguồn năng lượng không tái tạo* • *Có thể kể tên một số nguồn năng lượng không tái tạo*	• *… is a non-renewable energy source because it will run out.* fossil fuel, coal, crude oil, natural gas *nhiên liệu hóa thạch, than đá, dầu thô, khí tự nhiên*
Unit 7 – Energy sources *Chương 7 – Các nguồn năng lượng*	• *Hiểu được khái niệm của các nguồn năng lượng tái tạo* • *Có thể nêu ra một số nguồn năng lượng tái tạo*	• *… is a renewable energy source because it is unlimited.*

Lesson 2: Renewable sources of energy *Bài 2: Các nguồn năng lượng tái tạo*	• *Phân biệt được hai loại năng lượng tái tạo được và không tái tạo*	hydropower, wind power, Solar energy, unlimited *thủy điện, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, không giới hạn*
Unit 8 – Electricity *Chương 8 - Điện năng* Lesson 1: Electrical conductor and insulator *Bài 1: Vật dẫn điện và vật cách điện*	• *Biết được một số vật liệu có thể dẫn điện và một số vật liệu cách điện* • *Xác định được một vật liệu có thể dẫn điện hay cách điện*	• *.... is an electrical conductor/ insulator.* insulator, plastic, wood, conductor, metal, iron, copper *vật cách điện, nhựa, gỗ, vật dẫn điện, kim loại, sắt, đồng*
Unit 8 – Electricity *Chương 8 - Điện năng* Lesson 2: A simple circuit *Bài 2: Một mạch điện đơn giản*	• *Biết được thành phần cấu tạo của một mạch điện đơn giản* • *Có thể tạo ra một mạch điện đơn giản* • *Có thể xác định được vật liệu nào được dùng để làm dây điện*	• *A simple circuit consists of a battery, a light bulb, and electric wire.* battery, negative end, positive end, wire, light bulb, electric current *pin, cực âm, cực dương, dây điện, bóng đèn, dòng điện*
Unit 9 - Plant reproduction *Chương 9 – Sự sinh sản ở thực vật* Lesson 1: Reproductive parts of a plant *Bài 1: Các bộ phận sinh sản của thực vật*	• *Biết được hoa là một bộ phận sinh sản của thực vật* • *Có thể kể tên bộ phận sinh sản cái như nhụy hoa và bộ phận sinh sản đực như nhị hoa* • *Nhận biết trực quan và kể tên các bộ phận sinh sản của thực vật*	• *.....is the female/male reproductive part of a plant* stamen, anther, filament, pistil, stigma, style, ovary *nhị hoa, bao phấn, chỉ nhị, nhụy hoa, đầu nhụy, vòi nhụy, bầu nhụy*

PHÒNG ĐÀO TẠO ISMART